

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2026/HS-PT**
Ngày 21 - 01 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- *Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 570/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Phùng Thiên S và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 726/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Các bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:**

1. Phùng Thiên S, sinh năm 1994 tại Hà Nội; giới tính: Nam; số VneID: 001094047892; đăng ký thường trú và trú tại: Xóm B, thôn V, xã V, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Phùng Đôn S1 và con bà Chu Thị L; có vợ đã ly hôn là Hoàng Thị T (sinh năm: 1998) và có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 23/5/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội ra quyết định xử phạt hành chính số 11/2019/QĐ-XPHC đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng, chấp hành xong ngày 23/5/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2024; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16 – Bộ C2. (có mặt)

2. Vũ Kim N, sinh năm 1993 tại Hà Nội; giới tính: Nam; số VneID: 001093007041; đăng ký thường trú và trú tại: Thôn H, xã Q, thành phố Hà Nội;

quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Vũ Kim L1 và con bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Triệu Thị L2 (sinh năm: 1998); tiền án, tiền sự: Bản án hình sự phúc thẩm số 184/2013/HSPT ngày 19/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm 02 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2020/HS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Đánh bạc”; Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2021/HS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp với hình phạt theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2020/HSST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 21 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/01/2023; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2024; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16 – Bộ C2. (có mặt)

3. Nguyễn Văn L3, sinh năm 1998 tại Hà Nội; giới tính: Nam; số VneID: 001098014722; đăng ký thường trú và trú tại: Thôn Đ, xã Q, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn Đ và con bà Đặng Thị T2; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2024; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16 – Bộ C2. (có mặt)

4. Hà Thị H1, sinh ngày: 05/7/2006 tại Phú Thọ; giới tính: Nữ; số VneID: 025306005655; đăng ký thường trú và trú tại: Khu V, xã L, tỉnh Phú Thọ; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Hà Văn M và con bà Đặng Thị S2; có con sinh ngày 12/09/2025; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2024 đến ngày 17/3/2025 hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

5. Bùi Thị Thu H2, sinh ngày: 22/10/1997 tại Phú Thọ; giới tính: Nữ; số VneID: 025197003949; đăng ký thường trú và trú tại: Khu A, xã H, tỉnh Phú Thọ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Bùi Quang Đ1 và con bà Đinh Thị H3; có chồng đã ly hôn là Đặng Tiến H4 (sinh năm: 1996) và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2025; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16 – Bộ C2. (có mặt)

6. Lương Thị N1, sinh ngày: 23/11/2005 tại Điện Biên; giới tính: Nữ; số VneID: 011305005089; đăng ký thường trú và trú tại: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lương Văn Q và con bà Lương Thị H5; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ,

tạm giam từ ngày 31/12/2024; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16 – Bộ C2. (có mặt)

7. Lò Thị T3, sinh ngày: 18/5/2004 tại Điện Biên; giới tính: Nữ; số VneID: 011304005153; đăng ký thường trú và trú tại: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn D và con bà Lò Thị S3; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2024; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16 – Bộ C2. (có mặt)

8. Nguyễn Thị L4, sinh ngày: 08/6/2004 tại Hà Giang; giới tính: Nữ; số VneID: 002304002797; đăng ký thường trú và trú tại: B, xã Đ, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn P và con bà Chấn Thị L5; có chồng đã ly hôn là Nguyễn Ngọc V (sinh năm: 2000); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2024; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16 – Bộ C2. (có mặt)

9. Bùi Thị T4, sinh ngày: 10/9/1974 tại Hà Giang; giới tính: Nữ; số VneID: 002174000017; đăng ký thường trú và trú tại: Thôn V, xã Q, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Bùi Công V1 (đã chết) và con bà Trần Thị K (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn P1 (sinh năm: 1965) và có 02 con (con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 161711 ngày 12/5/2020 của Công an huyện B, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2024; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16 – Bộ C2. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L3 theo yêu cầu: Luật sư Nguyễn Thị Ánh N2 và Luật sư Vũ Thị L6, Công ty L8, Đoàn luật sư thành phố H. (có mặt)

** Trong vụ án còn có các bị cáo: Nguyễn Văn N3, Nguyễn Trung T5, Phùng Bá V2, Nguyễn Danh C, Nguyễn Bá H6, Ngô Hồng A, Nguyễn Như Q1 và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng nghị; Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 0 giờ 15 phút ngày 29/12/2024, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ C2 chủ trì phối hợp với các đơn vị chức năng, kiểm tra quán Karaoke Ngọc A1 tại địa chỉ khu F, thôn V, xã Q, thành phố Hà Nội, do Bùi Thị T4 làm chủ, thuê Phùng Thiên S làm quản lý, đã phát hiện bắt quả tang tại: P có 04 đối tượng gồm: Nguyễn Bá H6, Nguyễn Văn N3, Lương Thị N1 và Ngô Hồng Á; Phòng hát VIP 5 có 05 đối tượng gồm: Nguyễn Trung T5, Nguyễn Danh C, Nguyễn Như

Q1, Hà Thị H1 và Bùi Thị Thu H2 và Phòng hát VIP 6 có 04 đối tượng gồm: Nguyễn Văn L3, Phùng Bá V2, Nguyễn Thị L4, Lò Thị T3 có hành vi sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Thu giữ tại quán K4: 01 túi nylon màu trắng, nẹp miệng có viên màu đỏ bên trong chứa 10 viên nén màu xám là ma túy MDMA, khối lượng 5,46 gam và 03 viên viên nén màu hồng là hỗn hợp ma túy Ketamnie, MDMA, có khối lượng 1,08 gam; 03 túi nylon màu trắng, nẹp miệng viên màu đỏ bên trong chứa 3,0 gam ma túy Ketamine; 24 túi nylon, loại túi zip, bên trong chứa 22,93 gam ma túy Ketamine; 01 cân tiểu ly và một số công cụ, đồ vật có liên quan đến hành vi sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. *(Kết luận giám định số 10348/KL-KTHS ngày 03/01/2025 của V4 Bộ C2)*

Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, Cơ quan điều tra Quyết định giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Vũ Kim N và Bùi Thị Thu H2 có liên quan đến hành vi Mua bán, Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán K4 nêu trên. *(Bút lục số 19 - 63)*

Ngày 06/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C2 Quyết định khởi tố vụ án, Khởi tố bị cáo, Lệnh tạm giam đối với: Phùng Thiên S về tội “Mua bán, Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Vũ Kim N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Nguyễn Văn N3, Nguyễn Bá H6, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Danh C, Phùng Bá V2, Nguyễn Văn L3, Bùi Thị Thu H2, Lương Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4, Hà Thị H1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Bùi Thị T4 về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; Ngô Hồng Á, Nguyễn Như Q1 về tội “Không tố giác tội phạm”, quy định tại khoản 2 Điều 251; khoản 2 Điều 255, khoản 2 Điều 256, khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự 2015. Kết quả điều tra, xác định hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

(Trong vụ án này, Cơ quan điều tra phát hiện đã thu giữ 10 viên nén màu xám ma túy loại MDMA, có tổng khối lượng 5,46 gam, trung bình mỗi viên có khối lượng 0,546 gam. Đây là căn cứ dùng để tính khối lượng các viên nén ma túy tương tự khác, các bị cáo mua bán không thu giữ được).

1. Hành vi mua bán trái phép 39,046 gam ma túy (gồm 29,23 gam Ketamine, 8,736 gam MDMA, 1,08 gam hỗn hợp Ketamine, MDMA) của Phùng Thiên S, 22,93 gam Ketamine của Vũ Kim N.

Từ tháng 9/2023, Phùng Thiên S được Bùi Thị T4 thuê làm quản lý quán K4. Trong thời gian quản lý quán, S có quen với Phạm Đức Nghĩa L7 khách đến quán hát. Sắc chủ động nói chuyện, hỏi mua ma túy, thì được N4 cho số điện thoại 0362369209 và bảo nếu khi nào cần mua thì gọi cho N4. Sắc lưu số điện thoại của N4 trong danh bạ là “Indo”.

Từ khoảng tháng 3/2024 đến tháng 6/2024, S thường mua ma túy của N4 để sử dụng cho bản thân và lấy hộ cho khách hát sử dụng. Đến tháng 7/2024, do có nhiều khách đến quán hát hỏi mua ma túy nên S đã mua ma túy của N4, về vừa sử dụng cho bản thân và chia nhỏ, bán lại cho khách đến quán hát sử dụng kiếm

lời. Sắc mua ma túy của N4 giá 1,2 triệu đồng/01 chỉ Ketamine, 250.000 đồng/01 viên ma túy tổng hợp (K), bán lại cho khách giá 2,5 triệu đồng/01 chỉ Ketamine, 300.000 đồng/01 viên ma túy tổng hợp. Sắc đã mua ma túy của N4 về chia lẻ, nhiều lần bán cho nhiều khách khác nhau nhưng không nhớ rõ, chỉ nhớ: Vào đầu tháng 12/2024, S gọi điện thoại cho N4 hỏi mua 07 viên ma túy nén màu hồng, giá 250.000 đồng/01 viên. N4 đi một mình đem đến công phòng trọ giao cho S. Sau đó, S đã bán cho khách (không nhớ là ai) 04 viên, giá 300.000 đồng/01 viên. Còn lại 03 viên, là hỗn hợp ma túy Ketamine + MDMA, có tổng khối lượng 1,08 gam, S chưa kịp bán, Cơ quan điều tra thu giữ ngày 29/12/2024.

Do mua ma túy của N4 có giá cao, S chuyển sang mua ma túy của Vũ Kim N là người quen cũ của S, mới đi tù về. Khoảng đầu tháng 12/2024, S gọi điện cho N hỏi mua viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc) và K1, thì N bảo để hỏi đã, sẽ gọi lại sau. Khoảng 01 tuần sau, N gọi lại cho S và hỏi lấy số lượng bao nhiêu, S nói muốn lấy 20 chỉ Ketamine và 30 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc). N báo 20 chỉ Ketamine giá 16 triệu đồng, thuốc lắc giá 220.000 đồng/01 viên. Đến khoảng 18h30 tối cùng ngày, N gọi điện cho S nói đang ở ngoài đầu ngõ gần quán Karaoke Ngọc A1, S một mình đi bộ ra đầu ngõ gặp N, thì N nói cho S biết, ma túy giấu ở ô cột điện cách quán khoảng 30m, S trả trước cho N một ít tiền (không nhớ là mấy triệu) và bảo số tiền còn lại mấy hôm nữa sẽ trả nốt. Khi N về, S đi ra cột điện tìm thấy gói ma túy được cuốn bằng túi nylon màu đen, đem về giấu ở bồn cây cảnh trước cửa nhà trọ, đối diện quán K4. Đợi lúc các nhân viên bên nhà trọ đi sang quán Karaoke làm việc, S ra lấy gói ma túy đó mang vào phòng trọ của mình mở ra, dùng cân điện tử cân túi Ketamine này được 24 gam cả bì, sau đó cân, chia Ketamine vào các túi nylon nhỏ có miệng bấm, gồm loại túi chứa 1/2 chỉ Ketamine (trọng lượng 0,7 gam cả bì, sau khi trừ bì thì số Ketamine thực tế trong túi là 0,55 gam) và loại túi chứa 01 chỉ Ketamine (trọng lượng 1,4 gam cả bì, sau khi trừ bì, số Ketamine thực tế trong túi là 1,1 gam). Chia xong, S cuốn chung các túi Ketamine và các viên thuốc lắc vào trong một túi nylon màu trắng, cất dưới gầm giường ngủ của mình bên phòng trọ để bán dần. Phần lớn số ma túy này, S đã bán cho khách đến quán hát Karaoke nhưng không nhớ rõ tên tuổi của khách. Trong đó, tối 28/12/2024, S bán cho khách hát tại các phòng VIP4, VIP5, VIP6 mỗi phòng 03 gói loại 01 chỉ Ketamine (khối lượng 03 gói x 1,1 gam/01 gói = 3,3 gam) và 06 viên thuốc lắc MDMA (khối lượng 06 viên x 0,546 gam/01 viên = 3,276 gam). Số ma túy còn lại gồm 10 viên thuốc lắc MDMA, có tổng khối lượng 5,46 gam và 03 gói Ketamine, có tổng khối lượng 3,0 gam, S chưa kịp bán, Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Ngày 28/12/2024, S gọi điện cho N, hỏi mua 20 chỉ Ketamine, N báo giá như lần trước, 16 triệu đồng. S bảo N gửi cho số tài khoản để S chuyển tiền trước. N nhắn tin và bảo S chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng S4 số 838619966666 mang tên PHAN QUOC THANG. Sắc đã chuyển 15 triệu đồng từ tài khoản ngân hàng M1 số 83170919946666 của Sắc vào tài khoản này. Đến khoảng 18 giờ chiều cùng ngày, N đi ra cột điện sát trước cửa nhà, lấy trong hộc cột điện, phía sau tủ

công tơ, túi ma túy Ketamine, mà N đã mua của V3 (không rõ tên tuổi, địa chỉ) từ đầu tháng 12/2024, rồi cuốn vào một túi nylon, mang đến cột điện trước cửa quán K4 để vào một ô của cột điện, sau đó gọi cho S và nói chỗ giấu ma túy. Sắc đi một mình ra lấy túi nylon ma túy đó đem về phòng trọ, giấu trong tủ quần áo của mình. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi các nhân viên sang quán Karaoke làm việc, S ra lấy gói ma túy Ketamine mua của N mở ra, dùng cân điện tử, cân và chia vào 24 túi Zip nhỏ, gồm loại túi chứa 1,1 gam và túi 0,55 gam Ketamine. Chia xong, S cho các túi Ketamine này vào hộp giấy cất dưới gầm giường ngủ của mình. Ngày 29/12/2024, Cơ quan Công an kiểm tra quán đã phát hiện thu giữ 24 túi ma túy Ketamine này, có tổng khối lượng 22,93 gam.

Phùng Thiên S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong vụ án, đủ căn cứ xác định Phùng Thiên S mua bán trái phép 39,046 gam ma túy (gồm 24 túi Zip chứa 22,93 gam Ketamine; 03 gói Ketamine 3,0 gam; 10 viên thuốc lắc MDMA 5,46 gam; 03 viên hỗn hợp ma túy Ketamine + MDMA 1,08 gam, Cơ quan điều tra đã thu giữ của S khi khám xét và 03 gói Ketamine 3,3 gam, 06 viên thuốc lắc MDMA 3,276 gam, S đã bán cho khách sử dụng tại các phòng VIP 4, VIP 5, VIP 6 vào tối ngày 28/12/2024 như nêu trên).

Vũ Kim N khai nhận, chỉ duy nhất một lần bán 20 chỉ ma túy Ketamine cho S vào ngày 28/12/2024, không bán 20 chỉ Ketamine, 30 viên thuốc lắc cho S vào đầu tháng 12/2024, ngoài lời khai của S, không có tài liệu khác thể hiện N đã bán 20 chỉ Ketamine và 30 viên thuốc lắc cho S, đủ căn cứ xác định Vũ Kim N mua bán trái phép 22,93 gam ma túy Ketamine.

N khai đối tượng tên V3 là người bán ma túy cho N, nhưng không biết họ tên, địa chỉ của V3, Cơ quan điều tra không đủ thông tin để xác minh, điều tra xử lý.

Đối với Phạm Đức N4, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập N4 để làm rõ, nhưng N4 không có mặt tại địa phương, không xác định được N4 ở đâu. Do chỉ có lời khai duy nhất của S, chưa đủ căn cứ xác minh, làm rõ đối với Phạm Đức N4. Cơ quan điều tra Bộ C2 ra Quyết định truy tìm, điều tra xử lý sau.

Đối với Phan Quốc T6, là người đứng tên tài khoản ngân hàng, N sử dụng mua bán ma túy. Kết quả xác minh, N khai không quen biết T6 mà mua tài khoản PHAN QUOC THANG với giá 500.000 đồng, qua chương trình Game trên mạng với mục đích để nạp thẻ chơi Game và đã nhận 15 triệu đồng tiền bán ma túy cho S sắc ngày 28/12/2024. Hiện T6 không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu. Do đó, Cơ quan điều tra không có thông tin xác minh, làm rõ. (Bút lục số 125 - 231; 284 - 312)

2. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Phùng Thiên S, Nguyễn Văn N3, Nguyễn Bá H6, Lương Thị N1 tại phòng VIP 4 quán K4, không tố giác tội phạm của Ngô Hồng Á

Khoảng 21h30 ngày 28/12/2024, N3 gọi điện thoại rủ H6 đi hát Karaoke, H6 đồng ý và đi xe Taxi qua đón N3 rồi cả hai đến quán K4. Sắc bố trí cho N3 và H6 vào phòng VIP 4, H6 bảo S gọi nhân viên nữ vào phòng phục vụ. Vào phòng hát được khoảng 5 phút, N3 hỏi H6 “lấy 01 chỉ 02 viên nhé” tức là mua 01 chỉ Ketamine và 02 viên thuốc lắc sử dụng. H6 trả lời “Ừ, chỉ lấy thế thôi”, N3 đi ra ngoài bảo S lấy cho 01 chỉ Ketamine và 02 viên thuốc lắc, trả tiền sau. N3 và H6 đã thống nhất sẽ chia đôi tiền mua ma túy sử dụng. Một lúc sau, 02 nhân viên nữ của quán là Lương Thị N1 và Ngô Hồng Á vào phòng hát phục vụ N3 và H6. Sau đó, S đem 02 túi Ketamine, loại 1/2 chỉ/01 túi, 02 viên thuốc lắc vào phòng và hỏi N3 có tiền lẻ không để cuốn ống tẩu sử dụng ma túy, N3 lấy từ túi quần ra tờ 20 nghìn đồng, thì S bảo đưa cho N1. N1 cầm tờ tiền cuốn thành tẩu dùng để hít Ketamine. Sắc đổ đĩa hoa quả ra bàn, lấy đĩa dùng bật lửa khò nóng đáy đĩa rồi đổ 02 túi Ketamine ra đĩa. Sắc dùng thẻ sim điện thoại, nghiền nhỏ Ketamine trong đĩa, sau đó đưa đĩa Ketamine cho N1 rồi đi ra ngoài. N1 bê đĩa ma túy Ketamine, dùng thẻ sim điện thoại kẻ Ketamine, lần lượt mời H6, N3, Á sử dụng. H6, N3, Á lần lượt từng người cầm ống tẩu hít Ketamine trong đĩa, trên tay N1 đang bê. Sau đó, N1 tự kẻ Ketamine sử dụng.

Sau khi sử dụng ma túy, mọi người hát Karaoke, ai sử dụng tiếp thì tự kẻ Ketamine và sử dụng. Còn 02 viên thuốc lắc, N3 dùng vỏ chai nước ngọt nghiền nhỏ, pha vào 02 cốc Coca cola, mọi người trong phòng chia nhau uống hết.

Phùng Thiên S, Nguyễn Văn N3, Nguyễn Bá H6, Lương Thị N1, Ngô Hồng Á khai nhận hành vi phạm tội của mình, các lời khai phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong vụ án. Đủ cơ sở xác định Phùng Thiên S, Nguyễn Văn N3, Nguyễn Bá H6, Lương Thị N1 tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy tại Phòng hát VIP 4, quán K4.

Ngô Hồng Á là nhân viên nữ phục vụ khách hát tại quán K4 từ tháng 11/2023, trong thời gian làm nhân viên phục vụ tại quán, Á biết việc S cho khách hát Karaoke sử dụng ma túy tại phòng hát, đã nhiều lần chứng kiến, có lần đã sử dụng ma túy cùng khách tại phòng hát. Tối ngày 28/12/2024, theo sự sắp xếp của S, Á chỉ phục vụ khách hát Karaoke và có sử dụng ma túy cùng khách hát tại phòng VIP 4. Ánh biết và nhận thức được việc S, khách hát tổ chức sử dụng ma túy tại các phòng hát Karaoke N là vi phạm pháp luật, hoàn toàn có điều kiện, khả năng để trình báo với cơ quan chức năng nhưng đã không trình báo. Lời khai của Ngô Hồng Á phù hợp với lời khai của bị cáo khác, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định Ngô Hồng Á có hành vi không tố giác tội phạm. (*Bút lục số 1032 - 1058; 1128 - 1151; 1188 - 1228; 1274 - 1309*)

3. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Phùng Thiên S, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Danh C, Hà Thị H1, Bùi Thị Thu H2 tại phòng V5 quán K4, không tố giác tội phạm của Nguyễn Như Q1.

Tối 28/12/2024, T5 đi xe máy đến nhà C, rủ C đi hát Karaoke tại quán K4. Khi đến quán, T5 và C được S bố trí vào phòng VIP 5. Do T5 đã đến quán này

nhều lần và mua ma túy Ketamine của S sử dụng nên khi vào phòng hát, T5 hỏi C “có chơi tí ke không” (ý là sử dụng ma túy) thì C bảo “tùy anh, nhưng em không có tiền đâu”. C nói như vậy, T5 biết là C đã đồng ý cùng sử dụng ma túy, T5 đi ra ngoài phòng hát gặp S hỏi có “Kẹo” và “Ke” không (ý hỏi có ma túy thuốc lắc và K1 không), S bảo “có”, T5 bảo S lấy cho 01 chỉ Ke và 02 viên thuốc lắc, S bảo 01 chỉ Ketamine giá 2,5, thuốc lắc giá 300.000 đồng/01 viên, T5 đồng ý, S bảo T5 cứ vào phòng trước, sẽ bố trí. T5 bảo S, chia đôi chỉ Ketamine, đem vào phòng làm 02 lần và bố trí cho nhân viên nữ vào phòng phục vụ. Một lúc sau, 02 nhân viên nữ là Bùi Thị Thu H2 và Nguyễn Như Q1 vào phòng chọn bài, hát cùng T5 và C. Khi S đang mang ma túy được gói trong giấy ăn vào phòng cho T5 thì gặp Hà Thị H1 là nhân viên của quán, S bảo H1 đem vào phòng hát VIP 5, H1 có cầm gói giấy đó mang vào phòng, để trên bàn trước mặt T5. Tuyến mở gói giấy ra thấy có 02 viên thuốc lắc màu hồng và 01 túi nylon nhỏ chứa Ketamine. Tuyến bẻ lấy 1/2 viên thuốc lắc tự uống với nước Coca cola, còn lại một viên ruồi để ở bàn, ai chơi thì tự lấy uống. Do trên mặt bàn đã có sẵn 01 chiếc đĩa sứ, 01 chiếc thẻ nhựa, bật lửa. Tuyến lấy bật lửa đốt, hơi nóng dưới đáy đĩa, rồi đổ Ketamine ra đĩa, dùng thẻ nhựa nghiền nhỏ Ketamine, H2 cầm điện thoại, đã bật đèn flash soi cho T5 nghiền nhỏ Ketamine. Sau đó, T5 hỏi ai có tờ tiền dùng để cuốn ống hút sử dụng ma túy, H1 đi ra ngoài tìm nhưng không có. Lúc đó, C bảo H2 đưa áo khoác của C cho C, rồi lấy từ trong túi áo khoác của mình tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng đưa cho H1, H1 cầm tờ tiền cuốn thành ống hút sử dụng ma túy, rồi để trên bàn cạnh đĩa Ketamine. Tuyến dùng thẻ nhựa gạt bột Ketamine trên mặt đĩa thành 02 đường thẳng, lấy ống hút tự sử dụng, rồi để đĩa ma túy, ống hút trên bàn, sau đó đến lượt C sử dụng tương tự như cách T5 sử dụng. Sau khi C sử dụng xong, đặt đĩa ma túy và ống hút xuống bàn, T5 quay sang nói với H1 “em chơi đi”, H1 tự cầm đĩa lên lấy thẻ nhựa gạt Ketamine thành một đường rồi dùng ống hút hít Ketamine vào mũi. H1 dùng xong thì đưa đĩa ma túy và ống hút cho chị H2 sử dụng, H2 sử dụng xong, lại đưa đĩa Ketamine và ống hút cho Q1 tự kẻ và sử dụng hết số ma túy Ketamine còn lại trên đĩa.

Tuyến thấy Ketamine trên đĩa đã hết nên đi ra ngoài gặp và bảo S đem vào nốt số Ketamine T7 đã đặt mua lúc trước vào phòng. Một lúc sau, S vào phòng lấy bật lửa đốt dưới đáy đĩa, rồi lấy trong túi quần ra 01 túi nylon chứa Ketamine (loại 1/2 chỉ) đổ lên trên mặt đĩa rồi dùng thẻ nghiền nhỏ Ketamine, sau đó đi ra ngoài. T7 cầm đĩa Ketamine lên tự kẻ Ketamine và sử dụng, sau đó T7 đưa đĩa Ketamine cho C, C cầm đĩa Ketamine tự kẻ Ketamine và sử dụng, rồi đặt đĩa Ketamine xuống bàn. Sau đó, đến lượt Q1, H1 tự kẻ Ketamine và sử dụng.

Lời khai của Nguyễn Trung T5, Nguyễn Danh C, Hà Thị H1, Bùi Thị Thu H2, Nguyễn Như Q1 và Phùng Thiên S phù hợp với nhau và phù hợp với tài liệu chứng cứ khác. Đủ cơ sở xác định Phùng Thiên S, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Danh C, Hà Thị H1, Bùi Thị Thu H2 tổ chức cho nhau cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại Phòng VIP 5, quán K4.

Nguyễn Như Q1 là nhân viên nữ phục vụ khách hát tại quán K4 từ tháng 11/2024, trong thời gian làm nhân viên tại quán, Q1 biết việc S cho khách hát Karaoke sử dụng ma túy tại phòng hát, đã nhiều lần chứng kiến, có lần đã sử dụng ma túy cùng khách tại phòng hát. Tối ngày 28/12/2024, theo sự sắp xếp của S, Q1 phục vụ khách hát Karaoke và có sử dụng ma túy cùng khách tại phòng Vip 5.

Quỳnh biết và nhận thức được việc S, khách hát tổ chức sử dụng ma túy tại các phòng hát Karaoke N là vi phạm pháp luật, hoàn toàn có điều kiện, khả năng đề trình báo với cơ quan chức năng nhưng đã không trình báo. Lời khai của Nguyễn Như Q1 phù hợp với lời khai của bị cáo khác, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định Nguyễn Như Q1 có hành vi không tố giác tội phạm. (*Bút lục số 560 - 582; 649 - 681; 801 - 844; 883 - 903; 949 - 989*)

4. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Phùng Thiên S, Phùng Bá V2, Nguyễn Văn L3, Nguyễn Thị L4, Lò Thị T3 tại phòng VIP6 quán K4.

Khoảng 21 giờ ngày 28/12/2024, V2 gọi điện thoại rủ L3 sang nhà chơi. Sau đó, V2 rủ L3 đi hát, L3 đồng ý. V2 chở L3 bằng xe máy đến quán K4. Khi đến quán, S bố trí V2 và L3 vào phòng VIP6 hát Karaoke. Hát được khoảng 30 phút thì V2 rủ L3 mua ma túy để sử dụng, L3 đồng ý. V2 và L3 thống nhất sử dụng ma túy hết bao nhiêu tiền sẽ chia đôi. V2 đi ra ngoài quầy lễ tân gặp S đặt mua 01 chỉ Ketamine và 02 viên thuốc lắc và bảo cho 02 nhân viên vào phục vụ, S đồng ý và bảo V2 “cứ vào phòng trước, sẽ bố trí”. Khoảng 10 phút sau, 02 nhân viên nữ của quán là Lò Thị T3 và Nguyễn Thị L4 vào phòng hát. Sau đó, S vào phòng để lên bàn 01 túi Ketamine loại 01 chỉ và 02 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc), rồi đi ra ngoài. V2 dùng vỏ chai nước ngọt già nhỏ viên thuốc lắc, hòa vào cốc Coca cola, rồi V2 và T3 chia nhau uống. Viên thuốc lắc còn lại, L3 tự pha vào cốc Coca cola của mình sử dụng. T3 lấy đĩa hoa quả, đổ hoa quả ra bàn lấy đĩa, dùng bật lửa đốt cháy tờ giấy ăn, hơ dưới đáy đĩa để làm nóng đĩa, sau đó đổ Ketamine trong túi ra đĩa, dùng thẻ ngân hàng nghiền mịn Ketamine. V2 hỏi T3 có tờ tiền nào không? để cuốn ống tẩu sử dụng Ketamine, T3 lấy từ sau ốp điện thoại ra tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng và cuốn thành ống, V2 lấy 03 vỏ đầu lọc thuốc lá đưa cho T3 để cố định thân ống tẩu để sử dụng Ketamine. Sau đó, V2 bảo T3 kẻ Ketamine cho V2, T3 kẻ 02 đường Ketamine rồi bung đĩa đến mời V2, V2 cầm ống tẩu hít hết 02 đường Ketamine trên đĩa. Sau đó T3 tự kẻ 02 đường Ketamine sử dụng. Sử dụng xong T3 đưa đĩa Ketamine cho L4. L4 nhận đĩa Ketamine tự kẻ 02 đường Ketamine sử dụng. Sử dụng xong L4 kẻ 02 đường Ketamine rồi bung đĩa đến trước mặt mời L3 sử dụng, nhưng L3 không sử dụng. Sau đó, mọi người trong phòng nghe nhạc, hát Karaoke. Một lúc sau, V2 lại bảo T3 kẻ Ketamine cho V2, T3 kẻ 02 đường Ketamine rồi bung đĩa mời V2 sử dụng, V2 cầm ống tẩu hít hết 02 đường Ketamine trong đĩa T3 đang bê. Sau đó, T3 tự kẻ 02 đường Ketamine sử dụng, xong T3 đưa đĩa Ketamine cho L4. L4 cầm đĩa Ketamine, kẻ 02 đường tự sử dụng, xong Liễu kẻ 02 đường Ketamine, rồi bung đĩa đến mời L3 sử dụng, L3 cầm ống tẩu hít hết 02 đường Ketamine trong đĩa, L4 đang bê.

Lời khai của Phùng Bá V2, Nguyễn Văn L3, Nguyễn Thị L4, Lò Thị T3, Phùng Thiên S phù hợp với nhau và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác, đủ cơ sở xác định Phùng Thiên S, Phùng Bá V2, Nguyễn Văn L3, Nguyễn Thị L4, Lò Thị Thủy tổ C1 cho nhau cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại Phòng VIP 6, quán K4. (Bút lục số 1341 - 1385; 1413 - 1439; 1540 - 1579; 1472 -1500)

5. Hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của Bùi Thị T4

Bùi Thị T4 là chủ, đứng tên kinh doanh quán K4 từ tháng 11/2015, T4 trực tiếp nhận nhân viên nữ vào làm công việc phục vụ khách hát Karaoke tại quán, với giá 200.000 đồng/01 nhân viên/01 giờ, T4 trả cho nhân viên 140.000 đồng, thu lại 60.000 đồng đối với nhân viên ăn ở tại nhà T4; còn đối với nhân viên không ăn ở tại nhà T4 thì thu 30.000 đồng và trả lại cho nhân viên 170.000 đồng.

Từ tháng 9/2023, T4 thuê Phùng Thiên S làm quản lý quán Karaoke với mức lương 06 triệu đồng/01 tháng. Ngày 05/8/2024, T4 ký hợp đồng cho S thuê lại quán Karaoke Ngọc A1, nhưng chỉ là hình thức, còn thực tế mọi hoạt động kinh doanh, cân đối thu chi của quán Karaoke Ngọc A1 vẫn do T4 làm chủ, S vẫn là người được T4 thuê quản lý, điều hành hoạt động tại quán và T4 tăng tiền công cho S từ 06 triệu lên 10 triệu đồng/01 tháng, ngoài ra nếu tháng nào làm ăn tốt thì thưởng thêm cho S từ 05 đến 10 triệu đồng.

Trong quá trình quản lý hoạt động của quán K4, thấy khách có nhu cầu sử dụng ma túy, S đã mua ma túy về vừa sử dụng cho bản thân, vừa bán cho khách sử dụng tại các phòng hát để kiếm lời. S đã nhiều lần mua bán, tổ chức cho khách sử dụng trái phép chất ma túy tại quán. Tuyên biết việc S cho khách hát Karaoke sử dụng ma túy tại các phòng hát quán Karaoke của mình, nhưng không biết S mua ma túy của ai, bán cho khách như thế nào. T4 cho rằng đã ký hợp đồng cho S thuê lại quán Karaoke Ngọc A1, S làm gì sẽ không liên quan đến mình và để mặc cho S nhiều lần, cho nhiều khách sử dụng tại các phòng hát. Tuyên được hưởng lợi từ việc thu tiền phòng hát, tiền nhân viên phục vụ, tiền bán đồ ăn, uống cho của khách hát Karaoke.

Lời khai của Bùi Thị T4 phù hợp với các lời khai của Phùng Thiên S, nhân viên tại quán, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác. Đủ cơ sở xác định Bùi Thị T4 có hành vi chứa chấp nhiều người, nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy tại các phòng hát của quán K4 của mình. (Bút lục số 125 - 231; 400 - 446)

Quá trình bắt quả tang, giữ người, khám xét khẩn cấp, Cơ quan điều tra thu giữ 32,47 gam ma túy Ketamine, MDMA; các dụng cụ sử dụng ma túy; 03 xe máy; 19 chiếc điện thoại; phong tỏa tiền trong tài khoản ngân hàng, trong sổ tiết kiệm; một số giấy tờ, đồ vật khác của các bị cáo và đã tiến hành xác minh làm rõ trong quá trình điều tra. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đang quản lý và sẽ chuyển cùng vụ án để phục vụ quá trình xét xử.

Tại Bản cáo trạng số 11746/CT-VKSTC-V4 ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố: bị cáo Phùng Thiên S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 251, điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự

2015; Vũ Kim N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm n, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015; Nguyễn Văn N3, Nguyễn Bá H6, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Danh C, Phùng Bá V2, Nguyễn Văn L3, Bùi Thị Thu H2, Lương Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4, Hà Thị H1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự 2015; Bùi Thị T4 về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự 2015; Ngô Hồng Á, Nguyễn Như Q1 về tội “Không tố giác tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 726/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố:

Bị cáo Phùng Thiên S phạm các tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo Vũ Kim N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Các bị cáo Nguyễn Văn L3, Bùi Thị Thu H2, Lương Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4 và Hà Thị H1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo Bùi Thị T4 phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b, c, p khoản 2 Điều 251, điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Phùng Thiên S 09 (chín) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, 11 (mười một) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2024.

Căn cứ điểm điểm n, q, khoản 2, Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Vũ Kim N 10 (mười) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2024.

Căn cứ điểm điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn L3 08 (tám) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2024.

Căn cứ điểm điểm b khoản 2 Điều 255, điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Hà Thị H1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án phạt tù, được trừ những ngày đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2024 đến ngày 17/3/2025

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt:

Bùi Thị Thu H2 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 02/01/2025.

Lường Thị N1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2024

Lò Thị T3 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2024.

Nguyễn Thị L4 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2024.

Căn cứ điểm b, d, khoản 2, Điều 256, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bùi Thị T4 08 (tám) năm tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định tội danh hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn N3, Nguyễn Trung T5, Phùng Bá V2, Nguyễn Danh C, Nguyễn Bá H6, Ngô Hồng Á, Nguyễn Như Q1, quyết định về xử lý vật chứng khác, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/10/2026 và ngày 13/10/2025, bị cáo Phùng Thiên S và bị cáo Nguyễn Văn L3 đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10/10/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSHN-P1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 726/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, số tiền truy thu do thu lợi bất chính đối với các bị cáo Phùng Thiên S, Bùi Thị T4, Vũ Kim N, Bùi Thị Thu H2, Lường Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4, Hà Thị H1 theo hướng: Xử tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Phùng Thiên S, Bùi Thị T4; tuyên phạt hình phạt bổ sung phạt tiền, truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo Phùng Thiên S, Bùi Thị T4, Vũ Kim N; áp dụng Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt tù đối với các bị cáo Bùi Thị Thu H2, Lường Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4 và Hà Thị H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị cáo Phùng Thiên S xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo; về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với mình thì bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Bị cáo đồng ý với nội dung kháng nghị truy thu số tiền bị cáo được bị cáo Bùi Thị T4 trả lương là số tiền thu lời bất chính và đề nghị tạm giữ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH125i màu ghi xám, BKS 29V1- 92295 do cơ quan điều tra đã thu giữ để đảm bảo thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Văn L3 giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo trình bày bị cáo phạm tội do bị cáo V2 rủ rê, không phải là người trực tiếp mua và sử dụng ma túy, nhân thân tốt lần đầu phạm tội, bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính; trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt mọi quy định, tham gia tích cực đối

với việc đóng góp tu sửa đình chùa của địa phương. Mong được giảm nhẹ hình phạt để được sớm trở về với gia đình.

- Bị cáo Bùi Thị T4 đề nghị Hội đồng xét xử xét giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo. Vì bị cáo quê hương ở xa đã cố gắng vượt qua khó khăn để nuôi sống gia đình; bị cáo giao toàn quyền quản lý và kinh doanh quán Karaoke cho bị cáo Phùng Thiên S nên thiếu sót sao dẫn đến phạm tội. Bị cáo nhất trí đối với nội dung kháng nghị về việc truy thu số tiền thu lời bất chính là 360 triệu đồng, nhất trí tạm giữ các sổ tiết kiệm mà cơ quan điều tra đã thu giữ để đảm bảo thi hành án.

- Bị cáo Vũ Kim N xác định bị cáo không kháng cáo bản án sơ thẩm; về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với mình thì bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định.

- Các bị cáo Bùi Thị Thu H2, Lương Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4, Hà Thị H1 đều nhất trí với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo đều phạm tội do hoàn cảnh là người làm công ăn lương, hiểu biết pháp luật hạn chế; vì mưu sinh mà phạm tội. Bị cáo Hà Thị H1 khi phạm tội đang mang thai và hiện đang nuôi con nhỏ.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của các bị cáo Phùng Thiên S và Nguyễn Văn L3, kháng nghị trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về kháng cáo, kháng nghị:

- + Đối với bị cáo Phùng Thiên S: Tại Bản án sơ thẩm đã nhận định: "...Phùng Thiên S là chủ mưu, nhiều lần mua bán trái phép 39,046 gam ma túy, thu lời bất chính 8,1 triệu đồng; Vũ Kim N là người bán trái phép 22,93 gam ma túy Ketamine cho Phùng Thiên S, thu lời bất chính 10 triệu đồng". Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo S 09 năm tù, bị cáo N 10 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là có phần nhẹ hơn bị cáo N; tuy nhiên bản thân bị cáo N có 03 tiền án, chưa được xóa án tích, hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm". Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phùng Thiên S đã rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; do đó, đại diện Viện Công tố rút kháng nghị về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo S. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử nội dung này đối với bị cáo Phùng Thiên S theo quy định.

- + Đối với bị cáo T4 có vai trò sau bị cáo S, mang tính chất thấp hơn, hình phạt 8 năm tù có phần nhẹ, đề nghị chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với T4 từ 6 tháng đến 01 năm tù.

- + Đối với bị cáo N tham gia mua bán trái phép chất ma túy với Phùng Thiên S mục đích để kiếm lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng. Quá trình mua bán ma túy, bị cáo S đã chuyển qua tài khoản cho bị cáo N

số tiền 15 triệu đồng nhưng tại bản án sơ thẩm mới chỉ truy thu số tiền 10 triệu đồng là chưa đúng. Đề nghị chấp nhận kháng nghị để truy thu toàn bộ số tiền 15 triệu đồng là tiền thu lợi bất chính mới đúng quy định; về hình phạt, bị cáo N trình bày bị cáo không kháng cáo mà chỉ có đơn đề nghị xem xét giảm hình phạt nên không có cơ sở xem xét.

+ Đối với nội dung áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo N, S, Tuyên: Do các bị cáo đã bị truy thu các khoản tiền, đồng thời đảm bảo bản án thi hành triệt để nên không cần phạt bổ sung các bị cáo nên đại diện Viện Công tố rút nội dung kháng nghị này.

+ Đối với nội dung kháng nghị giảm hình phạt đối với các bị cáo H1, H2, N1, T3, L4: Mức án Tòa án tuyên đối với các bị cáo H2, N1, T3, L4, H1 07 năm 06 tháng tù đối với mỗi bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là quá cao, không phản ánh vai trò đồng phạm, phạm tội do thụ động, lệ thuộc vì các bị cáo đều là nhân viên phục vụ tại quán Karaoke và được T4 trả lương; tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thể hiện thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng Điều 54, Điều 58 BLHS đối với các bị cáo; đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị, giảm hình phạt cho mỗi bị cáo từ 1 đến 02 năm tù.

+ Đối với bị cáo L3: Do bị cáo V2 rủ rê lôi kéo, vai trò Lượng thấp hơn V2, tuy nhiên xử V2 và L3 cùng mức án 8 năm tù là quá nghiêm khắc, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm một số tình tiết mới nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo đối với L3; đề nghị giảm cho bị cáo L3 từ 1-2 năm tù.

* Luật sư Nguyễn Thị Ánh N2 bào chữa cho bị cáo L3 nêu quan điểm: Nhất trí với nội dung đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đã đánh giá hành vi của bị cáo và đề nghị HĐXX giảm cho bị cáo từ 01 đến 02 năm tù. Lý do: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu do bị rủ rê, không trực tiếp khởi xướng và sử dụng ma túy, bị cáo là lao động chính, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất nhiều hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Kháng cáo của các bị cáo Phùng Thiên S, Nguyễn Văn L3; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trong hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 12/11/2025 bị cáo Vũ Kim N có đơn xin được giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa bị cáo xác định bị cáo chỉ làm đơn đề nghị được xem xét chứ không phải là đơn kháng cáo. Bị cáo Vũ Kim N còn bị kháng nghị xem xét áp dụng thêm hình phạt bổ sung và số tiền truy thu. Do vậy các nội dung này sẽ được xem xét khi đánh giá toàn diện nội dung đối với bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn L3 đã được gia đình đóng 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Thi hành án dân sự Hà Nội nên được chấp nhận để xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phùng Thiên S xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện Công tố và xét xử phúc thẩm rút nội dung kháng nghị về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Phùng Thiên S. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử nội dung này đối với bị cáo Phùng Thiên S theo quy định.

Các bị cáo khác không có thêm tài liệu gì mới.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn L3; nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị T4; nội dung áp dụng hình phạt bổ sung, truy thu số tiền thu lời bất chính đối với các bị cáo Phùng Thiên S, Vũ Kim N và Bùi Thị T4, nội dung đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo Bùi Thị Thu H2, Lương Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4 và Hà Thị H1 nêu trong kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều tiếp tục thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xác định, không oan. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Phùng Thiên S là chủ mưu, nhiều lần mua bán trái phép 39,046 gam ma túy (gồm 29,23 gam Ketamine; 8,736 gam MDMA; 1,08 gam hỗn hợp Ketamine + MDMA) là từ bị cáo Vũ Kim N, thu lời bất chính 8,1 triệu đồng. Nhiều lần tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy tại các phòng hát quán K4.

Vũ Kim N là người bán trái phép 22,93 gam ma túy Ketamine cho Phùng Thiên S, thu lời bất chính 15 triệu đồng. Bản thân N có 03 tiền án, chưa được xóa án tích, hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”.

Tại bản án sơ thẩm đã xác định “Nguyễn Văn L3 là khách đến quán hát Karaoke, bàn bạc thống nhất tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát quán K4” là chưa chính xác. Theo nội dung bản án sơ thẩm thì trong phòng hát VIP6, bị cáo Phùng Bá V2 là người rủ rê bị cáo L3 đi hát tại quán

K4, bị cáo V2 là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện việc trao đổi với bị cáo S để mua và sử dụng chất ma túy trong phòng hát...” . Do đó nhận định này tại bản án sơ thẩm là không đúng và gây bất lợi cho bị cáo Nguyễn Văn L3 nên cần được đánh giá khách quan liên quan đến việc lượng hình đối với bị cáo.

Bùi Thị Thu H2, Lò Thị T3, Lương Thị N1, Nguyễn Thị L4, Hà Thị H1 là nhân viên phục vụ tại quán K4, biết S bán ma túy và cho khách sử dụng ma túy tại phòng hát, tham gia cùng nhiều khách tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát Karaoke.

Bùi Thị T4 là chủ quán K4, thuê S quản lý quán, mặc dù T4 biết nhưng đã để mặc cho S nhiều lần, tổ chức cho nhiều khách sử dụng trái phép chất ma túy tại các phòng hát quán Karaoke của mình.

Do có hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phùng Thiên S về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 251, điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015; Vũ Kim N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm n, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015; Nguyễn Văn L3, Bùi Thị Thu H2, Lương Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4, Hà Thị H1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015; Bùi Thị T4 về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật như bản án sơ thẩm đã xác định là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn N3, Nguyễn Trung T5, Phùng Bá V2, Nguyễn Danh C, Nguyễn Bá H6, Ngô Hồng Á, Nguyễn Như Q1 nhưng các bị cáo này không kháng cáo, không bị kháng nghị nên HĐXX không xem xét.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L3:

Tại bản án sơ thẩm đã nhận định “Nguyễn Văn L3 được các bị cáo khác rủ rê tổ chức sử dụng chất ma túy tại phòng hát nhất trí, do vậy bị cáo đã đồng phạm với N3, T5, V2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng với vai trò thấp hơn” là đúng với diễn biến và bản chất của hành vi phạm tội của các bị cáo tại phòng hát VIP 6. Theo đó, bị cáo Phùng Bá V2 là người rủ rê bị cáo L3 đi hát tại quán K4; bị cáo V2 là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện việc trao đổi với bị cáo S để mua và sử dụng chất ma túy trong phòng hát; các bị cáo Nguyễn Thị L4 và Lò Thị T3 do bị cáo S phân công vào phòng sau khi bị cáo V2 liên hệ với S để đưa vào cùng sử dụng ma túy với bị cáo V2, bị cáo S không hút K2 do bị cáo L4 đưa cho. Nhưng khi quyết định hình phạt, tại bản án sơ thẩm đã quyết định hình phạt đối với cả bị cáo V2 và bị cáo L3 mỗi bị cáo đều chịu 08 năm tù là chưa phân hóa vai trò, tính chất hành vi của từng bị cáo. Do đó cần chấp nhận kháng cáo để giảm cho bị cáo Nguyễn Văn L3 một phần hình phạt mới công bằng như

quan điểm của Viện công tố và quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là phù hợp.

[2.3] Đối với nội dung kháng nghị đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Bùi Thị Thu H2, Lương Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4 và Hà Thị H1.

Tại bản án sơ thẩm đã nhận định “Bùi Thị Thu H2, Lò Thị T3, Lương Thị N1, Nguyễn Thị L4, Hà Thị H1 là nhân viên phục vụ tại quán K4, biết Sắc bán ma túy và cho khách sử dụng ma túy tại phòng hát, tham gia cùng nhiều khách tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát Karaoke” là có căn cứ và hình phạt đã áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Nội dung kháng nghị nêu việc các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để cho các bị cáo này hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng cần được cân nhắc. Đối với bị cáo Hà Thị H1 phạm tội khi đang mang thai và hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên mức giảm hình phạt cho bị cáo dưới khung hình phạt áp dụng là thỏa đáng. Đối với các bị cáo Bùi Thị Thu H2, Lò Thị T3, Lương Thị N1, Nguyễn Thị L4 đều là nhân viên phục vụ nhưng tham gia với vai trò chủ động, tích cực, đều trực tiếp cùng sử dụng ma túy với các bị cáo cùng trong phòng hát. Do vậy áp dụng mức hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, đủ sức giáo dục đối với các bị cáo nên chỉ chấp nhận một phần kháng nghị về nội dung này.

[2.4] Xét nội dung kháng nghị về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị T4, Hội đồng xét xử thấy: Tại bản án sơ thẩm đã nhận định: “Bùi Thị T4, là chủ quán Karaoke Ngọc A1, thuê Sắc quản lý quán, mặc dù T4 biết nhưng đã để mặc cho S nhiều lần, tổ chức cho nhiều khách sử dụng trái phép chất ma túy tại các phòng hát quán Karaoke của mình” là có căn cứ. Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, tuy là chủ quán Karaoke Ngọc A1 nhưng đã thuê bị cáo Phùng Thiên S làm quản lý toàn quyền điều hành và chịu trách nhiệm về hoạt động của quán này; bị cáo biết nhưng bỏ mặc cho Phùng Thiên S thực hiện hành vi phạm tội. Do đó việc xét xử bị cáo là cần thiết và mức hình phạt 08 năm tù là nhẹ hơn mức hình phạt 11 năm tù áp dụng đối với bị cáo Phùng Thiên S là cơ bản phù hợp, đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải và tự nguyện chấp nhận việc truy thu số tiền thu lời bất chính từ số tiền 360 triệu đồng tiền bị cáo S trả tiền thuê quán được ghi nhận. Mức hình phạt mà đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị tăng đối với bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù là có phần nghiêm khắc và không thực sự cần thiết. Vì vậy, áp dụng tình nhân đạo của pháp luật, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đã áp dụng.

Đối với nội dung đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Kim N, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, trước đó bị cáo vừa bị xử phạt và chấp hành án phạt tù cùng về tội phạm mua bán trái phép chất ma túy, vừa ra tù lại tiếp tục phạm tội. Do đó không có căn cứ để xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

[2.4] Về nội dung kháng nghị đối với hình phạt bổ sung và truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo Phùng Thiên S, Vũ Kim N và Bùi Thị T4.

Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Phùng Thiên S đã nhiều lần mua bán trái phép 39,046 gam ma túy đã thu lợi bất chính 8,1 triệu đồng; do vậy, tại bản án sơ thẩm đã quyết định truy thu số tiền này là đúng. Bị cáo đã nhiều lần tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy tại các phòng hát quán K4 để thu hút khách, tăng doanh thu. Do vậy, cần chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội áp dụng hình phạt bổ sung số tiền 50.000.000 đồng đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 10.000.000 đồng đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp chung cho hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt bổ sung 60.000.000 đồng. Do việc tổ chức các hoạt động trên là trái phép nhưng được bị cáo T4 trả lương với số tiền 56 triệu đồng là tiền thu lợi bất chính nên cần truy thu số tiền này mới đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phùng Thiên S thừa nhận và nhất trí đề nghị Hội đồng xét xử truy thu các khoản như đã nêu trên nên được ghi nhận.

Đối với bị cáo Vũ Kim N mua bán trái phép chất ma túy với Phùng Thiên S mục đích để kiếm lời nên việc áp dụng hình phạt bổ sung là cần thiết. Quá trình mua bán ma túy, bị cáo S đã chuyển qua tài khoản cho bị cáo N số tiền 15 triệu đồng nhưng tại bản án sơ thẩm mới chỉ truy thu số tiền 10 triệu đồng là chưa đúng. Nay cần chấp nhận kháng nghị để truy thu toàn bộ số tiền 15 triệu đồng là tiền thu lợi bất chính mới đúng quy định.

Đối với bị cáo Bùi Thị T4, là chủ quán Karaoke Ngọc A1; tuy có hợp đồng cho S thuê quán Karaoke Ngọc A1 và S là trực tiếp quản lý quán, nhưng T4 biết và đã để mặc cho S nhiều lần, tổ chức cho nhiều khách sử dụng trái phép chất ma túy tại các phòng hát quán Karaoke của mình để tăng lợi nhuận. Thực tế đã được bị cáo Phùng Thiên S chuyển cho 360 triệu đồng qua tài khoản là khoản tiền thu lợi bất chính từ hoạt động của quán K4. Vì vậy, tại bản án sơ thẩm đã không truy thu số tiền này do các bị cáo phạm tội mà có và phạt bổ sung đối với bị cáo là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội áp dụng hình phạt bổ sung số tiền 50.000.000 đồng và truy thu số tiền 360.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính (được trừ đi số tiền Phùng Thiên S chuyển vào tài khoản: 98.624.824 đồng; 5.784.778 đồng trong tài khoản của Ngân hàng TMCP M1 và tài khoản Ngân hàng TMCP M1 số: 9616786786666, của Nguyễn Thị K3 là tiền thu lợi bất chính từ hoạt động kinh doanh Karaoke Ngọc A1) theo đúng quy định. Do sai sót nêu trên của bản án sơ thẩm nên đã quyết định trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH cho bị cáo Phùng Thiên S; trả lại 05 số tiết kiệm đứng tên bị cáo Bùi Thị T4 cũng là không đúng. Cần tiếp tục tạm giữ các tài sản của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 348; các điều 355, 356 và 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phùng Thiên S và nội dung Kháng nghị số 01/QĐ-VKSHN-P1 ngày 10/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về nội dung hình phạt chính đối với bị cáo Phùng Thiên S. Quyết định về hình phạt chính của Bản án hình sự sơ thẩm số 726/2025/HSST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt chính đối với bị cáo Phùng Thiên S có hiệu lực pháp luật.

Chấp nhận một phần Kháng nghị số 01/QĐ-VKSHN-P1 ngày 10/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về nội dung hình phạt bổ sung, tiền truy thu đối với bị cáo Phùng Thiên S (Bùi Thị T4 và Vũ Kim N?; sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm. Cụ thể:

Tuyên bố:

Bị cáo Phùng Thiên S phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b, c, p khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm a, b khoản 2, khoản 5 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phùng Thiên S 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 11 (mười một) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là **20 (hai mươi) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Phùng Thiên S số tiền 50.000.000 đồng đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 10.000.000 đồng đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy” Tổng hợp chung buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt bổ sung 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận Kháng nghị số 01/QĐ-VKSHN-P1 ngày 10/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về nội dung tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị T4; Giữ nguyên quyết định về hình phạt chính của Bản án hình sự sơ thẩm số 726/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt chính đối với bị cáo Bùi Thị T4 có hiệu lực pháp luật.

Chấp nhận một phần Kháng nghị số 01/QĐ-VKSHN-P1 ngày 10/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về nội dung áp dụng hình

phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Thị T4, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm. Cụ thể:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị T4 phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b, d, khoản 2, khoản 5 Điều 256, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bùi Thị T4 08 (tám) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Thị T4 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đối với tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

3. Không chấp nhận đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Kim N5, giữ nguyên quyết định về hình phạt chính của Bản án hình sự sơ thẩm số 726/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt chính đối với bị cáo Vũ Kim N có hiệu lực pháp luật.

Chấp nhận một phần Kháng nghị số 01/QĐ-VKSHN-P1 ngày 10/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về nội dung áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Kim N, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm. Cụ thể:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Kim N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm n, q, khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Vũ Kim N 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Kim N số tiền 15 triệu đồng đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

4. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L3, sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 726/2025/HSST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn L3. Cụ thể:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L3 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn L3 07 (bảy) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2024.

5. Chấp nhận một phần Kháng nghị số 01/QĐ-VKSHN-P1 ngày 10/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về nội dung giảm hình phạt đối với các bị cáo Bùi Thị Thu H2, Lương Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4 và Hà Thị H1. Sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 726/2025/HSST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với các bị cáo Bùi Thị Thu H2, Lương Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4 và Hà Thị H1. Cụ thể:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thị Thu H2, Lương Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4 và Hà Thị H1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, (Điều 54 đối với Hà Thị H1), Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Hà Thị H1 06 (sáu) năm tù** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án phạt tù, được trừ những ngày đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2024 đến ngày 17/3/2025.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt:

Bùi Thị Thu H2 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 02/01/2025.

Lương Thị N1 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2024.

Lò Thị T3 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2024.

Nguyễn Thị L4 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2024.

6. Chấp nhận một phần Kháng nghị số 01/QĐ-VKSHN-P1 ngày 10/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về nội dung truy thu tiền thu lời bất chính đối với các bị cáo Phùng Thiên S, Vũ Kim N và Bùi Thị T4. Sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 726/2025/HSST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Cụ thể: Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự,

- Buộc bị cáo Phùng Thiên S phải nộp truy thu số tiền thu lời bất chính sung ngân sách Nhà nước số tiền là 56.000.000 (năm mươi sáu triệu) đồng.

Tiếp tục tạm giữ của Phùng Thiên S 01 (một) chiếc xe máy, nhãn hiệu Honda SH125i, màu ghi xám, mang BKS: 29V1-92295, số khung: RLHJF9516PY255918, số máy: JF95E-1110510 để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Bùi Thị T4 phải nộp truy thu số tiền thu lời bất chính sung ngân sách Nhà nước số tiền là 360.000.000 (ba trăm sáu mươi triệu) đồng. Tiếp tục tạm giữ của Bùi Thị T4 05 sổ tiết kiệm mở tại ngân hàng L9 mang tên Bùi Thị T4 để đảm bảo thi hành án; gồm:

Sổ số: AA1176145, số tài khoản: 058124680008;

Sổ số: AA1176146, số tài khoản: 058124680009;

Sổ số: AA1453247, số tài khoản: 867831436448;

Sổ số: AA1453249, số tài khoản: 328585935641;

Sổ số: AA1176614, số tài khoản: 0581246800.

- Buộc bị cáo Vũ Kim N phải nộp truy thu số tiền thu lời bất chính sung ngân sách Nhà nước số tiền là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

3. Về án phí: Các bị cáo Phùng Thiên S, Vũ Kim N, Bùi Thị T4, Nguyễn Văn L3, Bùi Thị Thu H2, Lường Thị N1, Lò Thị T3, Nguyễn Thị L4 và Hà Thị H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn L3 đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0000708 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- Viện phúc thẩm 1;
- TAND TP Hà Nội;
- CQTHAHS CA TP Hà Nội;
- THADS TP Hà Nội;
- TTG T16 - Bộ Công an;
- Các bị cáo (qua TTG T16-BCA);
- Lưu HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Đông

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Khánh

Nguyễn Tiến Dũng

Nguyễn Vũ Đông